

TTOT

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

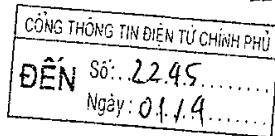
Số: **73** /NQ-CP

Hà Nội, ngày **01** tháng **4** năm **2011**



**NGHỊ QUYẾT**

**Phê chuẩn số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử  
và số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu  
Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh nhiệm kỳ 2011 - 2016**



**CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 1018 NQ/UBTVQH12 ngày 21 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội công bố ngày bầu cử và thành lập Hội đồng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh nhiệm kỳ 2011 - 2016, như sau:

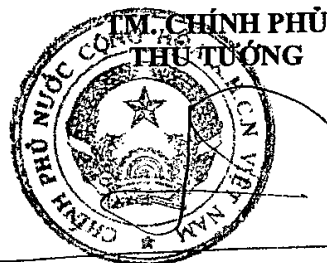
1. Số đơn vị bầu cử là 13 (mười ba), danh sách các đơn vị và số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử (có danh sách kèm theo).
2. Số lượng đại biểu được bầu là 50 (năm mươi) đại biểu.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Hội đồng bầu cử;
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh Trà Vinh;
- Ủy ban TWMTTQ Việt Nam;
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Bộ Nội vụ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ: TH, PL;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b).xst **28**



**Nguyễn Tấn Dũng**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH**

**Đơn vị bầu cử và số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu**  
**Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh nhiệm kỳ 2011 - 2016**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 73 /NQ-CP*  
*ngày 01 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ)*

| TT | ĐƠN VỊ BẦU CỬ | ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH                                                                                                                    | SỐ ĐẠI BIỂU<br>ĐƯỢC BẦU Ở<br>MỖI ĐƠN VỊ<br>BẦU CỬ |
|----|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1  | Số 1          | Thành phố Trà Vinh                                                                                                                      | 5                                                 |
| 2  | Số 2          | Huyện Càng Long (gồm các xã: Mỹ Cẩm, An Trường, An Trường A, Tân Bình, Tân An, Huyện Hội và thị trấn Càng Long)                         | 5                                                 |
| 3  | Số 3          | Huyện Càng Long (gồm các xã: Phương Thanh, Bình Phú, Nhị Long, Nhị Long Phú, Đại Phước, Đại Phúc, Đức Mỹ)                               | 3                                                 |
| 4  | Số 4          | Huyện Cầu Kè (gồm các xã: Thanh Phú, Thông Hòa, Hòa Ân, Tam Ngãi, An Phú Tân và thị trấn Cầu Kè)                                        | 3                                                 |
| 5  | Số 5          | Huyện Cầu Kè (gồm các xã: Hòa Tân, Châu Điền, Phong Phú, Phong Thạnh, Ninh Thới)                                                        | 3                                                 |
| 6  | Số 6          | Huyện Tiểu Cần                                                                                                                          | 5                                                 |
| 7  | Số 7          | Huyện Châu Thành (gồm các xã: Long Hòa, Hòa Minh, Hưng Mỹ, Phước Hảo, Hòa Lợi, Hòa Thuận)                                               | 3                                                 |
| 8  | Số 8          | Huyện Châu Thành (gồm các xã: Thanh Mỹ, Mỹ Chánh, Đa Lộc, Lương Hòa, Lương Hòa A, Song Lộc, Nguyệt Hóa và thị trấn Châu Thành)          | 4                                                 |
| 9  | Số 9          | Huyện Cầu Ngang (gồm các xã: Mỹ Long Nam, Mỹ Long Bắc, Mỹ Hòa, Vinh Kim, Hiệp Mỹ Tây, Hiệp Mỹ Đông và các thị trấn: Cầu Ngang, Mỹ Long) | 3                                                 |
| 10 | Số 10         | Huyện Cầu Ngang (gồm các xã: Nhị Trường, Trường Thọ, Kim Hòa, Hiệp Hòa, Long Sơn, Thạnh Hòa Sơn, Thuận Hòa)                             | 3                                                 |

|    |       |                                                                                                                                                             |   |
|----|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
| 11 | Số 11 | Huyện Trà Cú (gồm các xã: Phước Hưng, Tân Hiệp, Long Hiệp, Hàm Giang, Hàm Tân, Ngọc Biên, Đôn Châu, Đôn Xuân)                                               | 3 |
| 12 | Số 12 | Huyện Trà Cú (gồm các xã: Định An, Đại An, Thanh Sơn, Kim Sơn, Ngãi Xuyên, Lưu Nghiệp Anh, An Quảng Hữu, Tân Sơn, Tập Sơn và các thị trấn: Trà Cú, Định An) | 5 |
| 13 | Số 13 | Huyện Duyên Hải                                                                                                                                             | 5 |